

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế về Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp,
Người đại diện phần vốn Nhà nước tại tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính
và doanh nghiệp do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quản lý**

THÔNG ĐỌC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn góp Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 106/2015/NĐ-CP ngày 23/10/2015 của Chính phủ về quản lý người đại diện phần vốn nhà nước giữ các chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 21/2014/TT-BTC ngày 14/2/2014 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/BCS ngày 21/3/2017 của Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về dự thảo Quy chế về Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Người đại diện phần vốn Nhà nước tại các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính và doanh nghiệp do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quản lý;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế về Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Người đại diện phần vốn Nhà nước tại các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính và doanh nghiệp do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quản lý”.

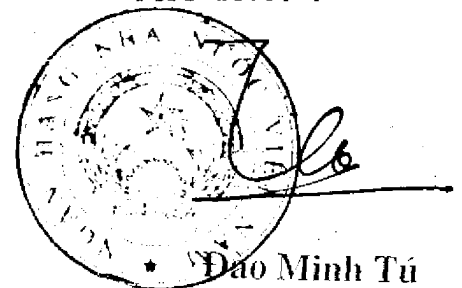
Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế các văn bản sau: Quyết định số 931/QĐ-NHNN ngày 15/5/2014 của Thống đốc NHNN ban hành Quy chế về người quản lý, người đại diện phần vốn nhà nước tại ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ, Quyết định số 1032/QĐ-NHNN ngày 26/5/2014 của Thống đốc NHNN về việc giao nhiệm vụ Người đại diện phần vốn của Nhà nước tại Công ty Cổ phần Chuyên mạch Tài chính Quốc gia Việt Nam và Quyết định số 388/QĐ-NHNN ngày 23/3/2016 của Thống đốc NHNN về việc giao đơn vị làm đầu mối thực hiện quyền, trách nhiệm của NHNN tại tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, doanh nghiệp có vốn nhà nước do NHNN làm đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính – Kế toán, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Cục trưởng Cục Công nghệ tin học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị tại các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính và doanh nghiệp nhà nước do Ngân hàng Nhà nước quản lý, Người đại diện phần vốn nhà nước tại các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ngân hàng Nhà nước quản lý chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Lưu VP, TCKT7 (10 bản)

M. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC



QUY CHẾ

VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRỰC TIẾP, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM TẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG, TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VÀ DOANH NGHIỆP DO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/QĐ-NHNN ngày 12/11/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính và doanh nghiệp; cơ chế hoạt động, chế độ báo cáo, xin ý kiến của Người đại diện; cơ chế quản lý, giám sát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (viết tắt là NHNN) đối với Người đại diện; sự phối hợp giữa NHNN (cơ quan đại diện chủ sở hữu), các đơn vị chức năng thuộc NHNN và Người đại diện trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ cổ đông, của thành viên góp vốn tại tổ chức tín dụng (bao gồm cả ngân hàng hợp tác xã), tổ chức tài chính và doanh nghiệp khác do NHNN quản lý (sau đây gọi chung là doanh nghiệp).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với NHNN, các đơn vị chức năng thuộc NHNN được giao nhiệm vụ tham mưu, giúp Thống đốc NHNN thực hiện quyền, trách nhiệm đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại các doanh nghiệp (bao gồm: Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Tài chính – Kế toán, Cục Công nghệ tin học và các đơn vị có liên quan thuộc NHNN) và Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính và doanh nghiệp do NHNN quản lý.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, một số từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Ngân hàng Nhà nước Việt Nam* là cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước.
2. *Cơ quan tài chính cùng cấp (với NHNN)* là Bộ Tài chính.
3. *Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ* (sau đây gọi là người đại diện chủ sở hữu trực tiếp) là cá

nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm vào Hội đồng thành viên (hoặc Hội đồng quản trị đối với trường hợp của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam), Chủ tịch công ty để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp.

4. *Người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên* (sau đây gọi là người đại diện phần vốn nhà nước) là cá nhân được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp (quy định tại khoản 3) và Người đại diện phần vốn nhà nước (quy định tại khoản 4) được gọi chung là Người đại diện trong Quy chế này.

5. *Người quản lý doanh nghiệp* do NHNN quản lý bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng tại doanh nghiệp.

6. *Vốn nhà nước tại doanh nghiệp* bao gồm vốn từ ngân sách nhà nước, vốn tiếp nhận có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; vốn từ quỹ đầu tư phát triển tại doanh nghiệp, quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp; vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn khác được Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp (bao gồm cả vốn hỗ trợ của nhà nước tại Ngân hàng Hợp tác xã).

7. *Doanh nghiệp nhà nước* là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do NHNN quản lý, bao gồm tổ chức tín dụng nhà nước, tổ chức tài chính nhà nước và doanh nghiệp nhà nước đặc thù thuộc NHNN (*Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, Nhà máy In tiền Quốc gia*).

8. *Doanh nghiệp có vốn nhà nước* (bao gồm cả *Tổ chức tín dụng có vốn nhà nước*) là doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh có một phần vốn góp của Nhà nước do NHNN làm đại diện vốn chủ sở hữu nhà nước.

9. *Tổ chức tín dụng nhà nước* là tổ chức tín dụng mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

10. *Tổ chức tín dụng có vốn nhà nước* là tổ chức tín dụng có một phần vốn góp của Nhà nước (bao gồm cả Ngân hàng Hợp tác xã).

11. *Tổ chức tài chính nhà nước* do NHNN thực hiện các quyền, nghĩa vụ của đại diện vốn chủ sở hữu nhà nước là Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam.

12. *Doanh nghiệp do NHNN quản lý* (bao gồm: tổ chức tín dụng Nhà nước, tổ chức tín dụng có vốn nhà nước, tổ chức tài chính nhà nước, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước khác) là các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh do NHNN thành lập hoặc NHNN được Chính phủ giao làm đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước.

13. *Đơn vị đầu mối*: là đơn vị thuộc NHNN được Thống đốc NHNN phân công tham mưu, giúp Thống đốc NHNN thực hiện một số nhiệm vụ, nội dung công việc thuộc phạm vi quyền, trách nhiệm đại diện vốn chủ sở hữu nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục I.

VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRỰC TIẾP

Điều 4. Điều kiện, tiêu chuẩn Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp

Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp phải là cá nhân đảm bảo được các quy định sau đây:

1. Tuân thủ tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Điều 92, Luật Doanh nghiệp năm 2014;

2. Đảm bảo tuân thủ các quy định về kiêm nhiệm, đáp ứng đủ điều kiện bổ nhiệm quy định tại Điều 8 và Điều 27, Nghị định 97/2015/NĐ-CP;

3. Phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện với chức danh tương ứng được bổ nhiệm tại doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của doanh nghiệp đó.

4. Có kinh nghiệm công tác tối thiểu 05 (năm) năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và quản trị doanh nghiệp. Đối với chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị (đối với Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam), ưu tiên người đã trải qua công tác quản lý nhà nước tại NHNN từ cấp Vụ trưởng hoặc tương đương trở lên; đối với chức danh Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị (đối với Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam), ưu tiên người đã trải qua công tác quản lý nhà nước tại NHNN từ cấp Phó Vụ trưởng hoặc tương đương trở lên.

5. Đối với các chức danh quản lý, điều hành tại tổ chức tín dụng, Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp phải đảm bảo tuân thủ các quy định tương ứng tại Điều 34 và Điều 50 Luật các tổ chức tín dụng (áp dụng đối với TCTD).

Điều 5. Bổ nhiệm Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp

1. Thống đốc NHNN quyết định lựa chọn và bổ nhiệm những người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 4 Quy chế này làm Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp nhà nước do NHNN quản lý.

2. Những trường hợp chưa xem xét bổ nhiệm làm Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định 66/2011/NĐ-CP ngày 01/8/2011 của Chính phủ quy định việc áp dụng Luật Cán

bộ, công chức đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và người được cử làm đại diện chủ sở hữu phân vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước.

3. Thời hạn bổ nhiệm Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp theo nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên, nhưng không quá 05 năm.

4. Số lượng Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp được bổ nhiệm tại doanh nghiệp nhà nước do Thống đốc NHNN quyết định theo quy định tại Điều lệ doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Những người được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp nhà nước đồng thời là Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp của NHNN tại doanh nghiệp.

6. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm

a) Hội đồng thành viên doanh nghiệp nhà nước có văn bản trình NHNN về chủ trương, chức danh, số lượng nhân sự cụ thể được đề nghị bổ nhiệm;

b) Vụ Tổ chức cán bộ NHNN làm đầu mối trình Thống đốc NHNN chấp thuận chủ trương, nhân sự bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp nhà nước và thực hiện quy trình, thủ tục bổ nhiệm theo quy định hiện hành của NHNN.

Điều 6. Bổ nhiệm lại Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp

1. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp khi hết thời hạn giữ chức vụ, chức danh phải được Thống đốc NHNN xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm lại Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp

a. Đạt tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 4 Quy chế này;

b. Hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ quản lý;

c. Không trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật, điều tra, truy tố, xét xử và không trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật từ khiển trách trở lên.

3. Thời hạn bổ nhiệm lại được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quy chế này.

a. Trường hợp tính đến thời điểm nghỉ hưu, Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp còn dưới 05 năm công tác nhưng trên 02 năm (24 tháng) công tác thì thời hạn bổ nhiệm lại được tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định;

b. Trường hợp tính đến thời điểm nghỉ hưu, Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp còn dưới 02 năm công tác, nếu đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm lại thì NHNN xem xét, quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ cho đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định.

4. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm lại

a. Trước 03 tháng tính đến ngày hết thời hạn bổ nhiệm, NHNN trực tiếp thông báo cho Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp để viết bản tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ;

b. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp kiểm điểm trong hội nghị lãnh đạo chủ chốt của doanh nghiệp nhà nước để tập thể đóng góp ý kiến và tổ chức lấy ý kiến bằng phiếu kín theo quy định;

c. Doanh nghiệp nhà nước tiến hành thủ tục trình NHNN xem xét bổ nhiệm lại theo quy định hiện hành của NHNN.

5. Quyết định kéo dài thời hạn đại diện chủ sở hữu trực tiếp hoặc giữ chức vụ quản lý doanh nghiệp nhà nước quy định tại Điểm b, Khoản 3 Điều này và quyết định bổ nhiệm lại phải được ban hành trước ít nhất 01 ngày làm việc, tính đến ngày người quản lý hết thời hạn bổ nhiệm.

6. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp khi hết thời hạn bổ nhiệm mà không được bổ nhiệm lại hoặc không được bổ nhiệm chức vụ mới thì NHNN có trách nhiệm bố trí công việc mới hoặc giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Từ chức, miễn nhiệm Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp

1. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp được từ chức hoặc miễn nhiệm nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 40 và Khoản 1 Điều 41 Nghị định 97/2015/NĐ-CP.

2. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp sau khi từ chức hoặc miễn nhiệm thì Thống đốc NHNN có trách nhiệm bố trí công việc mới hoặc giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp đề nghị được từ chức hoặc miễn nhiệm nhưng chưa được Thống đốc NHNN đồng ý thì vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

4. Quy trình, thủ tục từ chức, miễn nhiệm

Căn cứ vào các trường hợp từ chức, miễn nhiệm theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Vụ Tổ chức cán bộ NHNN chuẩn bị hồ sơ đề trình Thống đốc NHNN xem xét, quyết định. Hồ sơ gồm: sơ yếu lý lịch; đơn đề nghị xin được từ chức, miễn nhiệm (nếu có); bản tổng hợp nhận xét, đánh giá ưu điểm, khuyết điểm đối với người từ chức, miễn nhiệm và đề xuất của Vụ Tổ chức cán bộ NHNN.

Điều 8. Thay thế Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp

1. NHNN quyết định thay thế Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp trong các trường hợp sau:

a. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp khi đến tuổi nghỉ hưu theo quy định hoặc không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện để đảm nhiệm chức danh theo quy định tại Quy chế này;

b. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp không thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Quy chế này; không thực hiện báo cáo theo quy định; không thực hiện đúng ý kiến chỉ đạo của NHNN; không trung thực, lợi dụng vai trò người đại diện để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; làm sai lệch hoặc báo cáo không trung thực tình hình của doanh nghiệp làm ảnh hưởng đến lợi ích của cổ đông Nhà nước, chủ sở hữu Nhà nước;

c. Vi phạm Điều lệ doanh nghiệp, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền gây thiệt hại, ảnh hưởng tới doanh nghiệp và quyền lợi cổ đông Nhà nước, chủ sở hữu Nhà nước;

d. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp không còn đủ sức khỏe, năng lực, uy tín để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

d. Theo yêu cầu về công tác cán bộ của NHNN;

e. Các hành vi vi phạm pháp luật khác theo quy định hiện hành.

2. Vụ Tổ chức cán bộ NHNN chuẩn bị hồ sơ trình Thống đốc NHNN quyết định thay thế Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp theo quy định.

3. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp sau khi thay thế thì Thống đốc NHNN có trách nhiệm bố trí công việc mới, giải quyết chế độ, chính sách hoặc xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

4. NHNN thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết về việc thay đổi, chấm dứt Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp theo quy định tại Khoản 3 Điều 96 Luật Doanh nghiệp.

5. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp có trách nhiệm thực hiện các thủ tục bàn giao cho Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp mới trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày quyết định thay thế.

Điều 9. Quyền của Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp

1. Thực hiện các quyền đại diện của NHNN theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp, các quy định khác của pháp luật có liên quan và theo ủy quyền của NHNN;

2. Được NHNN uỷ quyền tham gia ý kiến và biểu quyết tại các cuộc họp của Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị (đối với Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam). Đối với các nội dung phải xin ý kiến NHNN theo quy định tại Quy chế này thì Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp phải tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định theo đúng ý kiến được NHNN chỉ đạo bằng văn bản.

3. Được NHNN xem xét, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vào các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc/Giám đốc tại DNNN hoặc xem xét, cử, cử lại vào các chức danh Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc/Giám đốc tại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ doanh nghiệp.

4. Được hưởng thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật, quy định tại Quy chế này và quy định của doanh nghiệp.

5. Được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật thông tin, kiến thức do NHNN tổ chức (nếu có).

6. Được NHNN cung cấp thông tin, diễn biến kinh tế và thị trường, tư vấn về các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Người đại diện (nếu có).

7. Được NHNN hỗ trợ, tạo điều kiện tham gia trao đổi kinh nghiệm, tìm kiếm cơ hội kinh doanh với doanh nghiệp và Người đại diện khác.

8. Các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật, của NHNN và của doanh nghiệp theo Điều lệ doanh nghiệp.

Điều 10. Nghĩa vụ của Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp

1. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp do mình làm Người đại diện, các quy định của NHNN trong thực hiện nhiệm vụ được giao, các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp phải trình, xin ý kiến NHNN bằng văn bản đề NHNN xem xét, phê duyệt, quyết định theo thẩm quyền hoặc có ý kiến chỉ đạo đối với các nội dung sau:

a. Những vấn đề về tổ chức hoạt động, nhân sự sau:

- Ban hành Điều lệ, sửa đổi, bổ sung điều lệ;
- Quyết định tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản;
- Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước;
- Quyết định quỹ tiền lương, tiền thưởng và thù lao hằng năm của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên.
- Phê duyệt đề nghị của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp và các chức danh lãnh đạo khác theo phân cấp của NHNN;

Vụ Tổ chức cán bộ làm đầu mối, tham mưu, trình Thống đốc NHNN xem xét, quyết định đối với nhóm vấn đề này.

b. Những vấn đề về hoạt động, giám sát hoạt động

- Quyết định chuyên giao vốn nhà nước tại doanh nghiệp giữa cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước sau khi được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương;
- Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ;
- Phê duyệt chiến lược phát triển, Kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm, Kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp;

- Phê duyệt phương án huy động vốn đối với trường hợp phê duyệt trên mức phân cấp cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định tại Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

- Phê duyệt phương án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp (như góp vốn, mua cổ phần, mua toàn bộ doanh nghiệp khác...) đối với dự án đầu tư trên mức phân cấp cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định tại Điều 28 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

- Phê duyệt Chủ trương đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Điều 29 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

- Quyết định chủ trương góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; quyết định chủ trương tiếp nhận công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty con, công ty liên kết của doanh nghiệp;

- Quyết định việc chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong trường hợp giá trị chuyển nhượng thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp sau khi đã bù trừ dự phòng tổn thất vốn đầu tư;

- Chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

- Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của doanh nghiệp;

- Các vấn đề khác phải xin ý kiến chủ sở hữu theo quy định của pháp luật hiện hành (nếu có);

Cơ quan Thanh tra Giám sát ngân hàng làm đầu mối, trình Thống đốc NHNN xem xét đối với nhóm vấn đề này (trừ các phần việc liên quan đến Nhà máy In tiền Quốc gia do Vụ Tài chính – Kế toán xử lý). Riêng việc phê duyệt Chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp, Vụ Quản lý ngoại hối làm đầu mối, xử lý.

c. Những vấn đề về sử dụng nguồn lực tài chính

- Kế hoạch tài chính hàng năm;

- Danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B (theo mức vốn dự án nhóm A, B theo quy định của Luật Đầu tư công) hàng năm;

- Phê duyệt phương án đầu tư đối với từng dự án đầu tư xây dựng, mua, bán tài sản cố định trên mức phân cấp cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định tại Điều 24 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Riêng đối với các dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định của Nhà máy In tiền Quốc gia: Người đại diện

chủ sở hữu trực tiếp thực hiện theo phân cấp tại Điều lệ và Quy chế quản lý tài chính của Nhà máy In tiền Quốc gia.

- Kế hoạch an sinh xã hội hàng năm của doanh nghiệp (*trình kèm Kế hoạch tài chính hàng năm; trường hợp có phát sinh ngoài kế hoạch, phải trình bổ sung trước khi thực hiện*);

- Việc tham gia tài trợ có quy mô từ 03 tỷ đồng trở lên với các Bộ, Ban, Ngành, các tỉnh, thành phố để tổ chức các sự kiện, hội nghị (có quy mô cấp Bộ, ngành, tỉnh, thành phố) như Hội nghị xúc tiến đầu tư, mít-ting kỷ niệm, lễ hội văn hóa... (*trình khi có phát sinh*).

Vụ Tài chính - Kế toán làm đầu mối, tham mưu, trình Thống đốc NHNN xem xét, quyết định đối với nhóm vấn đề này. Riêng việc phê duyệt Danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, Cục Công nghệ tin học làm đầu mối, xử lý.

3. Xây dựng, ban hành và gửi NHNN các văn bản, quy chế về: Tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban điều hành; Phân cấp giữa Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên và Ban Điều hành tại doanh nghiệp; Quy chế quản lý nợ, Quy chế chi tiêu nội bộ.

4. Thường xuyên theo dõi, thu thập thông tin về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; phối hợp với cán bộ được NHNN cử làm Kiểm soát viên tại doanh nghiệp để giám sát tình hình tài chính và các vấn đề phát sinh tại doanh nghiệp; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ (quý, năm), báo cáo bất thường và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của NHNN;

5. Báo cáo kịp thời về NHNN, đề xuất những giải pháp đối với tình hình doanh nghiệp hoạt động thua lỗ; không đảm bảo khả năng thanh toán; đầu tư không đúng mục tiêu chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do NHNN giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

6. Phối hợp với NHNN theo dõi, đối chiếu xác nhận nợ, đôn đốc thanh toán các khoản nợ bao gồm cổ tức, các khoản được chia từ vốn góp, thù lao và các khoản phải thu của Nhà nước, NHNN tại doanh nghiệp.

7. Khi phát hiện doanh nghiệp đi chệch mục tiêu định hướng, Người đại diện phải báo cáo kịp thời NHNN và đề xuất giải pháp khắc phục. Sau khi NHNN có ý kiến phải tổ chức thực hiện kịp thời để nhanh chóng hướng doanh nghiệp đi đúng mục tiêu, định hướng đã xác định.

8. Lập và gửi các báo cáo phục vụ công tác giám sát tài chính theo quy định về giám sát tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước, trong đó phải có đối chiếu với các chỉ tiêu của phương án tái cơ cấu doanh nghiệp đã được NHNN phê duyệt (nếu có).

9. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và NHNN về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Trường hợp thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Nhà nước, NHNN thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này.

10. Thực hiện việc từ nhiệm các chức danh tại doanh nghiệp (do NHNN giới thiệu và bầu) khi chấm dứt hoặc thôi làm Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp để miễn nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp.

11. Thực hiện nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về minh bạch tài sản, thu nhập.

12. Thực hiện gửi văn bản xin ý kiến chủ sở hữu qua đơn vị được giao làm đầu mối phù hợp với nội dung công việc đã phân công tại Điều 20 Quy chế này.

Điều 11. Tiền lương, tiền thưởng và quyền lợi khác của Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp

1. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp được hưởng tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và các quyền lợi khác do doanh nghiệp chi trả.

2. Cơ chế chi trả, quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng áp dụng cho các doanh nghiệp thực hiện theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp được hưởng các quyền lợi khác (nếu có) tại doanh nghiệp theo cơ chế của doanh nghiệp, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Mục II.

VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 12. Tiêu chuẩn, điều kiện Người đại diện phần vốn nhà nước

Người đại diện phần vốn nhà nước phải là cá nhân đảm bảo được các quy định sau đây:

1. Tuân thủ tiêu chuẩn và điều kiện đối với Người đại diện phần vốn nhà nước tại Điều 46, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

2. Đảm bảo tuân thủ các quy định về kiêm nhiệm, đáp ứng đủ điều kiện bổ nhiệm quy định tại Điều 6 và Điều 18, Nghị định 106/2015/NĐ-CP;

3. Phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện tương ứng với chức danh được bổ nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của doanh nghiệp.

4. Có kinh nghiệm công tác 05 (năm) năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và quản trị doanh nghiệp. Đối với chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, ưu tiên người đã trải qua công tác quản lý nhà nước tại NHNN từ cấp Vụ trưởng hoặc tương đương trở lên; đối với chức danh Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, ưu tiên người đã trải qua công tác quản lý nhà nước tại NHNN từ cấp Phó Vụ trưởng hoặc tương đương trở lên.

5. Đối với các chức danh quản lý, điều hành tại tổ chức tín dụng, Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp phải đảm bảo tuân thủ các quy định tương ứng tại Điều 34 và Điều 50 Luật các tổ chức tín dụng (áp dụng đối với TCTD).

Điều 13. Số lượng Người đại diện phần vốn nhà nước

1. Tùy theo quy mô vốn Điều lệ của doanh nghiệp, tỷ lệ vốn góp của Nhà nước; số lượng thành viên HĐQT, HĐTV quy định tại Điều lệ doanh nghiệp; ngành nghề kinh doanh; đặc điểm, tình hình hoạt động của doanh nghiệp, Thống đốc NHNN quyết định về số lượng Người đại diện phần vốn nhà nước.

2. Trường hợp NHNN cử từ 02 Người đại diện trở lên tại doanh nghiệp thì phải giao cho một trong số những người này làm Người đại diện phụ trách chung.

Điều 14. Giao vốn cho Người đại diện phần vốn nhà nước

1. Mỗi Người đại diện phần vốn nhà nước được phân công đại diện một phần vốn góp của NHNN tại doanh nghiệp;

2. Việc giao vốn cho từng người đại diện thể hiện theo các số liệu sau:

- Số lượng cổ phần đại diện;
- Giá trị phần vốn đại diện (theo mệnh giá);
- Tỷ lệ phần vốn đại diện so với tổng số vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

Điều 15. Trình tự, thủ tục cử, cử lại, miễn nhiệm Người đại diện phần vốn nhà nước

1. Cử Người đại diện phần vốn nhà nước

a. Căn cứ vào giá trị vốn của Nhà nước, quy mô của doanh nghiệp và đối chiếu với điều kiện, tiêu chuẩn làm đại diện, Vụ Tổ chức cán bộ đề xuất với Thống đốc NHNN về chủ trương, số lượng, cơ cấu, nguồn nhân sự và dự kiến nhân sự cụ thể để cử làm đại diện, gồm các thông tin cơ bản: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quê quán; ngày vào Đảng (nếu có); trình độ chuyên môn nghiệp vụ; trình độ lý luận chính trị; trình độ ngoại ngữ; chức vụ đang giữ; cơ quan, đơn vị đang công tác để báo cáo chủ sở hữu.

b. Thống đốc NHNN phê duyệt số lượng, cơ cấu, nguồn nhân sự và dự kiến nhân sự cụ thể để cử làm đại diện.

c. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Thống đốc NHNN phê duyệt số lượng, cơ cấu, nguồn nhân sự để cử làm đại diện, Thống đốc phải tổ chức họp để nhân sự dự kiến cử làm đại diện trực tiếp trình bày với Thống đốc NHNN về chương trình hành động và cam kết tuân thủ các chủ trương, nghị quyết, chỉ đạo của NHNN và việc thực hiện các vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ của người đại diện phần vốn nhà nước trong nhiệm kỳ được cử làm đại diện.

d. Thống đốc NHNN lấy ý kiến bằng văn bản của cấp ủy cùng cấp về nhân sự cụ thể dự kiến cử làm đại diện.

e. Thống đốc NHNN xem xét, kết luận những vấn đề mới phát sinh (nếu có); thảo luận ý kiến của cấp ủy; quyết định.

f. Người đại diện phần vốn nhà nước được dự kiến giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị mà không được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua thì NHNN sẽ cử người khác thay thế.

2. Cử lại Người đại diện phần vốn nhà nước

a. Trước 03 tháng tính đến thời điểm người đại diện hết thời hạn làm đại diện thì Thống đốc NHNN xem xét đề cử lại hoặc không cử lại làm đại diện. Trường hợp Người đại diện phần vốn nhà nước không được cử lại, Thống đốc NHNN có trách nhiệm bố trí công tác khác hoặc giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

b. Người đại diện phần vốn nhà nước được cử làm đại diện tại doanh nghiệp không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp.

c. Điều kiện cử lại người đại diện phần vốn nhà nước

- Có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 12 Quy chế này;

- Phải được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 03 năm liên tiếp trước khi được cử lại làm đại diện.

d. Trong trường hợp đặc biệt, tùy trường hợp cụ thể, Thống đốc NHNN có thể xem xét, cử lại người đại diện phần vốn nhà nước khi còn đủ ít nhất hai phần ba thời gian công tác của nhiệm kỳ làm đại diện (tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định).

e. Quy trình cử lại người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Miễn nhiệm Người đại diện phần vốn nhà nước

a. Người đại diện phần vốn nhà nước bị xem xét miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ của Người đại diện phần vốn nhà nước, cụ thể:

+ Không chấp hành hoặc chấp hành không nghiêm túc sự chỉ đạo của Thống đốc NHNN, vi phạm chế độ báo cáo theo Quy chế này và bị Thống đốc NHNN phê bình, nhắc nhở từ 03 lần trở lên bằng văn bản.

+ Không thực hiện các nghĩa vụ của Người đại diện phần vốn nhà nước, gây ảnh hưởng đến uy tín, hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và lợi ích hợp pháp của NHNN tại doanh nghiệp.

+ Vi phạm Điều lệ doanh nghiệp, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền gây thiệt hại cho doanh nghiệp và quyền lợi, lợi ích hợp pháp của NHNN.

+ Không hoàn thành nhiệm vụ Người đại diện phần vốn nhà nước trong 2 năm liên tiếp mà không có lý do chính đáng được NHNN chấp nhận.

+ Không trung thực, lợi dụng vai trò Người đại diện phần vốn nhà nước để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; Báo cáo không trung thực tình hình của doanh nghiệp, làm ảnh hưởng đến lợi ích của NHNN.

+ Không báo cáo Thống đốc NHNN các trường hợp bất thường, trường hợp đặc biệt ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của Nhà nước, NHNN.

- Vi phạm pháp luật, không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn Người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định tại Quy chế này; Mất tín nhiệm với Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, HĐQT và/hoặc đa số cán bộ nhân viên trong doanh nghiệp.

- Do thay đổi quy định của pháp luật liên quan đến quản lý vốn của NHNN; do Người đại diện phần vốn nhà nước chuyển công tác khác; Người đại diện phần vốn nhà nước đến tuổi nghỉ hưu; theo yêu cầu hoặc đề nghị của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

- Có đơn từ nhiệm hoặc đơn xin thôi làm Người đại diện phần vốn nhà nước trước thời hạn được Thống đốc NHNN phê duyệt; Trường hợp Người đại diện phần vốn nhà nước có đơn từ nhiệm song không được Thống đốc NHNN chấp thuận thì Người đại diện phần vốn nhà nước vẫn phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nhiệm vụ quản lý phần vốn tại doanh nghiệp khác cho đến khi Thống đốc NHNN có quyết định khác.

b. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm Người đại diện phần vốn nhà nước:

- Căn cứ vào các trường hợp từ chức, miễn nhiệm theo quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều này, Vụ Tổ chức cán bộ chuẩn bị hồ sơ để trình Thống đốc NHNN xem xét, quyết định.

- Hồ sơ gồm: sơ yếu lý lịch; đơn đề nghị xin được từ chức, miễn nhiệm (nếu có); bản tổng hợp nhận xét, đánh giá ưu điểm, khuyết điểm đối với người từ chức, miễn nhiệm và đề xuất của Vụ Tổ chức cán bộ.

- Trên cơ sở đề xuất của Vụ Tổ chức cán bộ, Thống đốc NHNN xem xét, quyết định.

Điều 16. Quyền của Người đại diện phần vốn nhà nước

1. Thay mặt NHNN theo dõi, giám sát tình hình, kết quả hoạt động tài chính tại doanh nghiệp được cử làm đại diện theo quy định của pháp luật, Điều lệ ngân hàng; chủ động biểu quyết tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông trừ các nội dung quy định tại Điều 17 Quy chế này.

2. Được NHNN uỷ quyền tham gia ý kiến và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông và/hoặc các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Đối với các nội dung phải xin ý kiến NHNN theo quy định tại Quy chế này thì Người đại diện phần vốn

nhà nước phải tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định theo đúng ý kiến được NHNN chỉ đạo bằng văn bản.

3. Được NHNN xem xét, đề cử vào các chức danh Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị tại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ doanh nghiệp.

4. Được hưởng tiền lương, tiền thưởng theo quy định của pháp luật, quy định tại Quy chế này và quy định của doanh nghiệp.

5. Được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật thông tin, kiến thức do NHNN tổ chức (nếu có).

6. Được NHNN cung cấp thông tin, diễn biến kinh tế và thị trường, tư vấn về các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Người đại diện phần vốn nhà nước (nếu có).

7. Được NHNN hỗ trợ, tạo điều kiện tham gia trao đổi kinh nghiệm, tìm kiếm cơ hội kinh doanh với doanh nghiệp.

8. Các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật, của NHNN và của doanh nghiệp theo Điều lệ doanh nghiệp.

Điều 17. Nghĩa vụ của Người đại diện phần vốn nhà nước

1. Người đại diện phần vốn nhà nước phải tuân thủ các quy định tại Khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều 10 Quy chế này; chủ động tham gia xây dựng, thông qua việc ban hành và kịp thời gửi NHNN Quy chế quản lý tài chính để NHNN theo dõi, giám sát.

2. Người đại diện phần vốn nhà nước phải xin ý kiến NHNN bằng văn bản để NHNN có ý kiến chỉ đạo trước khi Người đại diện phần vốn nhà nước tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị ở các nội dung sau đây:

a. Những vấn đề về tổ chức hoạt động, nhân sự sau:

- Ban hành/thông qua Điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ doanh nghiệp;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, xử lý vi phạm đối với Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, xử lý vi phạm đối với Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc;
- Tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên;
- Tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản;

Vụ Tổ chức cán bộ làm đầu mối, tham mưu, trình Thống đốc NHNN xem xét, quyết định đối với nhóm vấn đề này.

b. Những vấn đề về hoạt động, giám sát hoạt động

- Ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược, định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm và hàng năm của doanh nghiệp;

- Tăng hoặc giảm vốn điều lệ;

- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của doanh nghiệp, mức chi trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại trong năm tài chính; việc bán cổ phần riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài;

- Thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết;

- Chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông;

- Chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp;

- Các vấn đề khác phải xin ý kiến chủ sở hữu theo quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

Cơ quan Thanh tra Giám sát ngân hàng làm đầu mối, trình Thống đốc NHNN xem xét đối với nhóm vấn đề này (trừ các phần việc liên quan đến Công ty CP Thanh toán Quốc gia Việt Nam do Vụ Tài chính – Kế toán xử lý). Riêng việc phê duyệt Chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp, Vụ Quản lý ngoại hối làm đầu mối, xử lý.

c. Những vấn đề về sử dụng nguồn lực tài chính

- Kế hoạch tài chính năm;

- Danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B (theo mức vốn dự án nhóm A, B quy định của Luật Đầu tư công) hàng năm;

- Chủ trương mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp;

- Kế hoạch an sinh xã hội hàng năm của doanh nghiệp (*trình kèm Kế hoạch tài chính hàng năm; trường hợp có phát sinh ngoài kế hoạch, phải trình bổ sung trước khi thực hiện*);

- Việc tham gia tài trợ có quy mô từ 03 tỷ đồng trở lên với các Bộ, Ban, Ngành, các tỉnh, thành phố để tổ chức các sự kiện, hội nghị (có quy mô cấp Bộ, ngành, tỉnh, thành phố) như Hội nghị xúc tiến đầu tư, mít-ting kỷ niệm, lễ hội văn hóa... (*trình khi có phát sinh*).

Vụ Tài chính - Kế toán làm đầu mối, tham mưu, trình Thống đốc NHNN xem xét, quyết định đối với nhóm vấn đề này. Riêng việc phê duyệt Danh mục

các dự án đầu tư nhóm A, B thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, Cục Công nghệ tin học làm đầu mối, xử lý.

Điều 18. Trách nhiệm của Người đại diện phụ trách chung

Người đại diện phụ trách chung ngoài trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định tại Điều 17 Quy chế này còn có trách nhiệm và nghĩa vụ như sau:

1. Thực hiện phân công công việc, phối hợp chặt chẽ với Người đại diện phần vốn nhà nước khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động chung của các Người đại diện phần vốn nhà nước.

2. Chịu trách nhiệm tổng hợp các ý kiến tham gia, các số liệu của các Người đại diện phần vốn nhà nước vào các báo cáo, chương trình kế hoạch công tác để báo cáo về NHNN đúng thời hạn, đúng quy định của NHNN.

3. Đối với những nội dung không phải xin ý kiến NHNN, Người đại diện phụ trách chung có trách nhiệm trao đổi, thống nhất ý kiến với Người đại diện phần vốn nhà nước khác trước khi quyết định và biểu quyết. Trường hợp không thống nhất được ý kiến giữa các Người đại diện phần vốn nhà nước thì Người đại diện phụ trách chung có trách nhiệm tổng hợp đầy đủ các ý kiến khác nhau và báo cáo về NHNN để NHNN có ý kiến. Sau khi NHNN có ý kiến thì tất cả Người đại diện có trách nhiệm thực hiện theo ý kiến của NHNN.

Điều 19. Tiền lương, tiền thưởng và quyền lợi khác của Người đại diện phần vốn nhà nước

1. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được hưởng tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và các quyền lợi khác do doanh nghiệp chi trả.

2. Cơ chế chi trả, quản lý tiền lương, tiền thưởng áp dụng cho các doanh nghiệp thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Trên cơ sở quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan, NHNN sẽ có hướng dẫn chi tiết việc quản lý, chi trả lương, thưởng đối với Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước không chi phối. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm nghiên cứu, tham mưu cho Thống đốc NHNN về nội dung này.

3. Người đại diện phần vốn nhà nước khi được mua, được thưởng cổ phiếu được phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động thì phải báo cáo bằng văn bản cho NHNN; NHNN quyết định bằng văn bản số lượng cổ phiếu Người đại diện phần vốn nhà nước được mua, được nhận thưởng theo mức độ đóng góp và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện phần vốn nhà nước.

Trường hợp Người đại diện phần vốn nhà nước không báo cáo được thưởng, mua cổ phiếu thì bị xem xét hạ bậc lương, miễn nhiệm tư cách Người

đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc chấm dứt hợp đồng lao động và phải chuyển nhượng lại cho NHNN số cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi chênh lệch vượt quá mức mua theo quy định theo giá được mua tại thời điểm phát hành. Trường hợp Người đại diện phần vốn nhà nước đã bán hết cổ phiếu này thì phải nộp cho NHNN phần chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu theo giá thị trường tại thời điểm bán với giá mua và chi phí (nếu có).

Mục III

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHO CÁC ĐƠN VỊ CHỨC NĂNG THUỘC NHNN THAM MƯU GIÚP THỐNG ĐỐC NHNN THỰC HIỆN QUYỀN, TRÁCH NHIỆM ĐẠI DIỆN VỐN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP

Điều 20. Phân công nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc NHNN

Việc phân công nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc NHNN trong việc tham mưu, giúp Thống đốc NHNN thực hiện các quyền, trách nhiệm đại diện vốn chủ sở hữu nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp được thực hiện như sau:

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng là đơn vị đầu mối chung trong mối quan hệ công tác, thông tin báo cáo với các cơ quan quản lý nhà nước bên ngoài NHNN về việc thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu, đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính và doanh nghiệp do NHNN quản lý.

2. Các Vụ, Cục: Vụ Tài chính – Kế toán, Vụ Tổ chức cán bộ, Cục Công nghệ tin học có trách nhiệm tham gia, phối hợp với Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng trong việc thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu, đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính và doanh nghiệp do NHNN quản lý theo phân công tại Điều 10 và Điều 17 Quy chế này.

Điều 21. Trách nhiệm của Đơn vị đầu mối và các đơn vị thuộc NHNN

1. Đối với các đơn vị nêu tại Khoản 1, 2 Điều 20 Quy chế này

a. Có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ đã được Thống đốc NHNN giao. Xây dựng, trình Thống đốc NHNN văn bản hướng dẫn, biểu mẫu báo cáo Người đại diện thực hiện nghĩa vụ báo cáo, xin ý kiến Chủ sở hữu theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

b. Có trách nhiệm tiếp nhận toàn bộ thông tin, hồ sơ, tài liệu và báo cáo từ Người đại diện tại doanh nghiệp theo quy định hiện hành về quản lý phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp và các quy định tại Quy chế này.

c. Đôn đốc Người đại diện tại doanh nghiệp thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại Quy chế này.

d. Tham mưu và trình Ban lãnh đạo NHNN nội dung báo cáo xin ý kiến của Người đại diện trước khi biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề tại Đại hội

đồng cổ đông, Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị tại các doanh nghiệp, đảm bảo chất lượng và tiến độ.

đ. Thực hiện các nội dung khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp theo quy định hiện hành và theo nhiệm vụ được phân công tại Quy chế này.

2. Đối với các đơn vị khác thuộc NHNN

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị khác thuộc NHNN có trách nhiệm tham gia ý kiến với các đơn vị được giao làm đầu mối khi các đơn vị này thực hiện lấy ý kiến để xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động tại doanh nghiệp.

Mục IV

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, XIN Ý KIẾN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN

Điều 22. Báo cáo, xin ý kiến khi tham gia biểu quyết

1. Nội dung phải xin ý kiến trước khi biểu quyết:

Người đại diện có trách nhiệm gửi văn bản xin ý kiến NHNN để Thống đốc NHNN có ý kiến bằng văn bản trước khi Người đại diện biểu quyết, quyết định, tham gia ý kiến về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 10, Khoản 2 Điều 17 Quy chế này.

2. Thời hạn gửi báo cáo và thời gian xử lý:

a. Thời hạn gửi báo cáo, xin ý kiến chi đạo:

Đối với các nội dung nêu tại Khoản 1 Điều này, Người đại diện phải gửi văn bản tới NHNN trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 15 ngày làm việc và trước khi tiến hành họp HĐQT tại doanh nghiệp 10 ngày làm việc.

b. Đơn vị đầu mối được giao nhiệm vụ xử lý nội dung báo cáo, xin ý kiến của Người đại diện có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan để đảm bảo trình Thống đốc NHNN trả lời Người đại diện trong vòng 07 ngày làm việc từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Trường hợp đột xuất theo yêu cầu của Người đại diện, NHNN sẽ xem xét trả lời sớm hơn.

Trong trường hợp Người đại diện gửi báo cáo xin ý kiến NHNN đúng thời hạn nhưng đến ngày tiến hành ĐHĐCĐ/HĐQT, NHNN chưa trả lời thì Người đại diện đề nghị cuộc họp cho biểu quyết, quyết định sau hoặc ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh nội dung biểu quyết theo phê duyệt của NHNN.

c. Trong trường hợp có vấn đề phát sinh tại cuộc họp HĐQT theo yêu cầu của Ban Điều hành hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ theo yêu cầu của cổ đông mà chưa xin ý kiến Ban lãnh đạo NHNN thì Người đại diện đề nghị cuộc họp cho biểu quyết, quyết định sau.

d. Đối với các nội dung phải xin ý kiến của NHNN bằng văn bản theo Quy chế này, Người đại diện không gửi báo cáo xin ý kiến của NHNN hoặc Người đại diện quyết định khác với ý kiến của NHNN thì sẽ bị xem xét xử lý vi phạm, bồi thường vật chất (nếu có).

đ. Người đại diện có trách nhiệm báo cáo NHNN đầy đủ bằng văn bản các thông tin trong trường hợp bất thường, trường hợp đặc biệt trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày sự việc xảy ra.

Đối với trường hợp đặc biệt, Người đại diện báo cáo qua các phương tiện thông tin khác (điện thoại, fax, email...) cho Lãnh đạo NHNN hoặc Thủ trưởng Đơn vị đầu mối được biết ngay khi nắm được các vấn đề phát sinh đồng thời chủ động thực hiện các biện pháp khắc phục (nếu có).

3. Thông tin bất thường

Người đại diện thông báo đầy đủ cho NHNN những thông tin bất thường có thể ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp hoặc quyền lợi của NHNN trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện bao gồm nhưng không giới hạn trong các nội dung sau: tài khoản của doanh nghiệp tại ngân hàng bị phong tỏa; doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; có quyết định khởi tố đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kế toán trưởng của doanh nghiệp; có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp; có kết luận kiểm tra, thanh tra của các đơn vị chức năng có liên quan và các tranh chấp về tài sản, vốn, đất đai, lao động có khả năng ảnh hưởng bất lợi nghiêm trọng tới hoạt động của doanh nghiệp; các tranh chấp hoặc tổn thất lớn về tài sản; các nội dung bất thường khác quan phải công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin (nếu có).

Điều 23. Chế độ báo cáo định kỳ

1. Báo cáo Quý:

a. Báo cáo tài chính Quý: 30 ngày làm việc sau kết thúc quý (không bao gồm báo cáo Quý IV).

c. Báo cáo tài chính giữa niên độ: Chậm nhất là ngày 30/7.

2. Báo cáo năm:

a. Báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo. Thời hạn trước ngày 25/12 hàng năm.

b. Báo cáo đánh giá Người đại diện: trước ngày 30/4 năm sau.

c. Báo cáo đánh giá hoạt tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh, tài chính của doanh nghiệp: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm

d. Báo cáo tài chính năm: Trước ngày 15/4 năm sau.

e. Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm: 15 ngày sau khi có báo cáo.

f. Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm (nếu có): Trước ngày 15/4 năm sau.

g. Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có): 15 ngày sau khi có báo cáo.

h. Thông báo chuyển trả cổ tức về NSNN và NHNN (kèm theo chứng từ liên quan).

3. Báo cáo khác:

a. Báo cáo kết quả các vấn đề đã xin ý kiến.

b. Nghị quyết, Biên bản họp HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường: Thời hạn 15 ngày làm việc sau khi có kết quả biểu quyết theo ý kiến chỉ đạo của NHNN.

c. Các thông tin tài chính và thông tin khác mà doanh nghiệp công bố hàng năm hoặc các thông tin bất thường có tính chất trọng yếu khác (nếu có).

Nếu đến thời hạn theo quy định của Bộ Tài chính về lập Báo cáo tài chính mà doanh nghiệp chưa lập Báo cáo tài chính thì Người đại diện tại doanh nghiệp phải có văn bản báo cáo NHNN về các báo cáo còn chưa nộp và lý do nộp chậm.

Điều 24. Hình thức báo cáo, xin ý kiến và ý kiến chỉ đạo của NHNN

1. Các báo cáo, xin ý kiến của Người đại diện và ý kiến chỉ đạo của Thống đốc NHNN được lập thành văn bản và thực hiện quản lý theo quy định về công tác văn thư (chuyển qua đường văn thư).

2. Trong trường hợp cấp bách, có thể sử dụng hình thức fax, thư điện tử, điện thoại trong việc gửi và xử lý báo cáo, xin ý kiến để kịp thời giải quyết công việc nhưng phải được lập thành văn bản báo cáo lại NHNN (bản gốc) trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày xin ý kiến để thực hiện quản lý theo quy định về công tác văn thư lưu trữ.

3. Đối với các thông tin, tài liệu mật, việc cung cấp thông tin giữa Người đại diện với NHNN được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Nơi nhận báo cáo: NHNN/Đơn vị đầu mối xử lý theo quy định tại Điều 20, Quy chế này.

Điều 25. Trình tự xử lý báo cáo của Người đại diện

1. Đơn vị đầu mối tiếp nhận các báo cáo từ Người đại diện để thẩm tra, xử lý theo thẩm quyền, đề xuất và báo cáo Ban lãnh đạo NHNN cho ý kiến chỉ đạo.

Đơn vị đầu mối sau khi nhận được báo cáo của Người đại diện nếu có ý kiến về nội dung báo cáo hoặc yêu cầu bổ sung thông tin, tài liệu thì phải gửi lại Người đại diện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo.

2. Đơn vị đầu mối có trách nhiệm tổng hợp, phân tích các báo cáo của Người đại diện, lấy ý kiến các đơn vị chức năng (nếu cần), xử lý theo thẩm quyền và đề xuất ý kiến trình Ban lãnh đạo NHNN xem xét phê duyệt, có ý kiến chính thức trả lời Người đại diện.

3. Đơn vị đầu mối có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện ý kiến chỉ đạo từ Ban lãnh đạo NHNN của Người đại diện.

Chương III. **ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM** **ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐẠI DIỆN**

Điều 26. Đánh giá, xếp loại, khen thưởng và kỷ luật Người đại diện

Việc đánh giá, xếp loại, khen thưởng Người đại diện được thực hiện theo quy định tại Nghị định 97/2015/NĐ-CP, Nghị định 106/2015/NĐ-CP và Quyết định số 2599/QĐ-NHNN ngày 21/12/2015 của Thống đốc NHNN về việc ban hành Quy chế đánh giá phân loại công chức, viên chức, người lao động, người đại diện thuộc NHNN quản lý.

Điều 27. Xử lý vi phạm

Trường hợp Người đại diện không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của Người đại diện (không phụ thuộc vào việc có thiệt hại phát sinh hay không), đặc biệt đối với những trường hợp Người đại diện không xin ý kiến hoặc xin ý kiến nhưng biểu quyết, quyết định hoặc tham gia ý kiến không theo đúng chỉ đạo của NHNN đối với những nội dung phải xin ý kiến theo quy định tại Quy chế này thì NHNN áp dụng các hình thức xử lý sau:

1. Chấm dứt ủy quyền đại diện vốn và/hoặc áp dụng các hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật lao động và quy định của NHNN đối với Người đại diện.

2. Ngoài những hình thức xử lý nêu trên, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, Người đại diện có thể phải chịu các hình thức kỷ luật và trách nhiệm pháp lý khác do NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng theo quy định của Pháp luật và quy định của NHNN.

Điều 28. Trách nhiệm bồi thường vật chất

1. Người đại diện có hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nghĩa vụ Người đại diện, gây thiệt hại vật chất liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của NHNN tại doanh nghiệp thì phải có trách nhiệm bồi thường, hoàn trả theo quy định của pháp luật và quy định của NHNN.

2. Khi phát hiện Người đại diện gây thiệt hại vật chất đến quyền, lợi ích hợp pháp của NHNN tại doanh nghiệp, NHNN thành lập Hội đồng xử lý trách nhiệm bồi thường, hoàn trả theo quy định của pháp luật và của NHNN. Trường hợp Người đại diện cố ý không thực hiện nghĩa vụ bồi thường, hoàn trả thì sẽ bị khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi chấm dứt ủy quyền Người đại diện, Người đại diện vẫn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại vật chất phát sinh do Người đại diện gây ra trong thời gian làm Người đại diện.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Hiệu lực thi hành

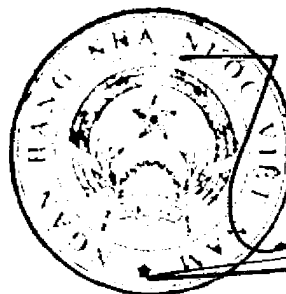
Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành;

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Đơn vị đầu mối, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và phân công tại Quy chế này, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và hỗ trợ Người đại diện thực hiện theo đúng các quy định tại Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về NHNN để bổ sung, sửa đổi cho phù hợp. /.

A. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC



Đào Minh Tú